

Số: 11/NQ-HĐND

Đông Tiên Hưng, ngày 21 tháng 05 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Về việc bổ sung và điều chỉnh kế hoạch đầu tư công
vốn ngân sách xã năm 2026 xã Đông Tiên Hưng**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ ĐÔNG TIÊN HUNG KHOÁ II
KỲ HỌP GIẢI QUYẾT CÔNG VIỆC PHÁT SINH ĐÓT XUẤT**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi Luật Đầu tư công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29/11/2024;

Căn cứ Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công và sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025;

Xét Tờ trình số 54 /TTr-UBND ngày 15/05/2026 của UBND xã Đông Tiên Hưng về việc sung và điều chỉnh kế hoạch đầu tư vốn ngân sách xã năm 2026; Báo cáo thẩm tra số 02/BC-KTNS ngày 19 tháng 05 năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định bổ sung vốn đầu tư công nguồn ngân sách xã năm 2026 là: 7.598,0 triệu đồng; trong đó: Từ nguồn tăng thu tiết kiệm chi năm 2025 chuyển nguồn sang năm 2026 là 7.423,740 triệu đồng; từ kết dư tiền sử dụng đất năm 2025 chuyển sang hạch toán vào thu năm 2026 là 174,260 triệu đồng.

Tổng vốn đầu tư công nguồn ngân sách xã năm 2026 sau bổ sung là 109.198,0 triệu đồng, thực hiện phân bổ, bổ sung và điều chỉnh như sau:

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ ĐỒNG TIỀN HƯNG



BỔ SUNG VÀ ĐIỀU CHỈNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NĂM 2026 - VỐN NGÂN SÁCH XÃ

(Kèm theo Nghị quyết số 11/NQ - HĐND ngày 21/05/2026 của Hội đồng nhân dân xã)

Đơn vị: Triệu đồng

Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh		Dự kiến KH vốn năm 2026				Bổ sung và điều chỉnh								Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú	
TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó			Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2026			Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó		
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Từ nguồn SD đất	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Từ nguồn SD đất			Từ nguồn khác		Từ nguồn SD đất
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
A	Tổng cộng	211,819	151,151	54,968	101,600	101,600		30,970	11,800	33,832		33,832	7,598	192,649	109,198	101,600	7,598	
I	Vốn để thực hiện các nhiệm vụ quy hoạch	2,100	2,100		2,100	2,100								2,100	2,100	2,100		
II	Bổ sung vốn thanh toán nợ XDCB	11,636	7,308	4,328									495	11,636	495		495	
I	Mở rộng đường DH 49- HM Nền và mặt đường (xã Phú Châu cũ)	1,385		1,385									137	1,385	137		137	
2	Nhà Văn hóa xã (xã Phú Châu cũ)	7,308	7,308										137	7,308	137		137	
3	Đường GT nội đồng đi Gò tướng quân, Mở rộng đường từ Khu DC thôn Phạm đi gò Mả Nãi (xã Phú Châu cũ)	1,185		1,185									85	1,185	85		85	
4	Trường MN Phú châu: HM cải tạo sửa chữa nhà lớp học 2 tầng 12 phòng (xã Phú Châu cũ)	735		735									38	735	38		38	

STT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026			Bổ sung và điều chỉnh						Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư tổng năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026			Tổng số	Trong đó						
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác		Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng									
										Từ nguồn SD đất	Nguồn khác								
2		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
3	Cải tạo nâng cấp mở rộng đường GT Đoạn từ Công Khố thôn Khuốc Bắc đến đường ĐH58 thôn Tân Tiến xã Phường Dương Tiến	1022		1022										97	1022	97		97	
4	Các dự án khởi công mới năm 2026	198083	141743	50640	99500	99500		30970	11800	33832		25955	7103	178913	98726	91623	7103		
5	Lĩnh vực Giáo Dục	68000	33800	34200	32059	32059		5000	8800	5759		1103	5000	71800	32403	27403	5000		
6	Trường THCS Dương Tiến xây mới 15 Phòng học, các phòng chức năng và phụ trợ	18000	7500	10500	7359	7359				2359			5000	18000	10000	5000	5000		
7	Trường TH và THCS Phú Châu xây mới 12 các phòng chức năng và phụ trợ	16000	7800	8200	7800	7800			1300					17300	7800	7800		Do tăng đợt gửi nhận công vật tư vật liệu nhiên liệu	
8	Trường Mầm non Hợp Tiến xây mới 9 Phòng học	13000	3500	9500	3500	3500			5200			1103		18200	4603	4603		Bổ sung phòng vệ sinh, phòng bếp	
9	Trường Tiểu học Chương Hạng mục xây dựng nhà đa năng	5000	5000		3400	3400		5000		3400								Chưa GP được mặt bằng	
10	Trường TH và THCS Phong Châu, XD nhà 3 tầng 15 phòng học Tiểu học	16000	10000	6000	10000	10000			2300					18300	10000	10000		Bổ sung do tăng quy mô số phòng	
11	Lĩnh vực Kinh tế	49043	49043		14841	14841				2103		7852	2103	49043	22693	20590	2103		
12	Hạ tầng khu dân cư thôn Khuốc Tây	14000	14000		13150	13150				2103			2103	14000	13150	11047	2103		
13	Hạ tầng khu dân cư thôn Phạm	2043	2043		1691	1691						352		2043	2043	2043			

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026										Bổ sung và điều chỉnh								Tổng mức đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó			Tổng mức đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2026				Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Trong đó		Từ nguồn khác								
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác	Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm	Từ nguồn SD đất	Nguồn khác	Từ nguồn SD đất	Nguồn khác												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19								
2.3	GPMB hạ tầng Khu dân cư Khuốc Tây 2	30000	30000									6500		30000	6500	6500		Bổ trí vốn để GPMB và CB đầu tư								
2.4	GPMB và XD hạ tầng khu dân cư Tân Bình	3000	3000									1000		3000	1000	1000		Bổ trí vốn để GPMB và CB đầu tư								
3	Lĩnh vực Văn hoá	6000	4000	2000	4000	4000		2000		2000		2000		4000	4000	4000		Chưa có QH SD đất								
3.1	Nhà văn hoá thôn Khuốc Bắc	2000	2000		2000	2000		2000		2000																
3.2	Nhà văn hoá thôn Phạm	4000	2000	2000	2000	2000						2000		4000	4000	4000										
4	Lĩnh vực TNMT	6000	6000		6000	6000		6000		6000								Chưa có QH sử dụng đất								
4.1	Bãi rác Phong Châu	3000	3000		3000	3000		3000		3000								Chưa có QH sử dụng đất								
4.2	Bãi rác 5 thôn xã Chương Dương cũ	2500	2500		2500	2500		2500		2500								Đã sửa chữa từ vốn TX								
4.3	Bãi rác Phú Châu	500	500		500	500		500		500																
5	Lĩnh vực Nông nghiệp	10850	8650		8650	8650		4850		4850		2200		6000	6000	6000		Nằm trong QH khu trung tâm xã nên đầu tư GD sau								
5.1	KM từ trạm bơm Thái Học đến cây xăng Tân Thịnh Hà thôn Tằng (1000m)	2000	2000		2000	2000		2000		2000								Không hiệu quả								
5.2	KM từ công Hàm Rồng đến trại Cau (400m)	1200	1200		1200	1200		1200		1200								Nằm trong QH khu trung tâm xã								
5.3	KM từ công Hàm Rồng đến bãi rác Phú Châu. Thôn Quốc Dương (350m)	1050	1050		1050	1050		1050		1050																

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026			Bổ sung và điều chỉnh					Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026									
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác		Điều chỉnh giảm		Bổ sung tăng							
									Từ nguồn SD đất	Nguồn khác	Từ nguồn SD đất	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19
5.4	KM từ ao ông Cảnh đến gỗ tương quân (thôn Cốc) (300m)	900	900		900	900								900	900	900		
5.5	KM từ gỗ mẹ VN Anh hùng đến Bờ Khinh (thôn Cốc) (350m)	1050	1050		1050	1050								1050	1050	1050		
5.6	KM từ công Khuốc đến cửa bà Hăng (thôn Khuốc Bắc) (đoạn còn lại 214m)	650	650		650	650								650	650	650		
5.7	KM từ Trạm bơm đến nhà ông Ủy, thôn Khuốc Tây (đoạn còn lại 200m)	600	600		600	600		600		600								Đã thực hiện
5.8	KM từ máng ông Khinh đến công Quay Bến đảo và từ Bến đảo đến cửa ông Kết (thôn Khuốc Bắc) (400m)	1200	1200		1200	1200								1200	1200	1200		
5.9	Mương cấp 1 đoạn từ trạm bơm Tiến Thắng nối đến mương mới cạnh đường ĐH58A thôn Tiến Thắng (trước nhà bà xuyến)	2200										2200		2200	2200	2200		
6	Lĩnh vực giao thông	58190	40250	14440	33950	33950		13120	3000	13120		12800		48070	33630	33630		
6.1	Đường GTND từ trạm bơm Phong Xá đến Công Mai (thôn Khuốc Đông) (đoạn còn lại 700m)	2100	2100		2100	2100								2100	2100	2100		
6.2	GTND cửa ông Khinh đến ngõ bà Hăng (thôn Khuốc Bắc) (250m)	900	900		900	900								900	900	900		

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026				Bổ sung và điều chỉnh						Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh				Ghi chú
		Tổng số các nguồn vốn	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Kế hoạch vốn năm 2026		Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Từ nguồn SD đất	Từ nguồn khác			
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác			Từ nguồn SD đất	Nguồn khác					Từ nguồn SD đất	Nguồn khác						
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19					
6.3	GTND ngõ ông Hoàng đến khu dân cư xóm 8 thôn Khuốc Tây (200m)	700	700		700	700		700		700				1400	1400	1400			Nằm trong QH dân cư				
6.4	GTND từ công Quay đến cửa ông Két (thôn Khuốc Bắc) (400m)	1400	1400		1400	1400								1400	1400	1400							
6.5	Sửa chữa đường GTND (Đoạn từ nhà bà Xe đến cửa ông Tân thôn Tiến Thắng)	2600	2600		2600	2600		900		900				1700	1700	1700			Giảm quy mô				
6.6	GTND đoạn từ Góc xi đường gỗ- cảnh cuối (Tiến Thắng) (200m)	700	700		700	700								700	700	700							
6.7	Xây lễ đường và sửa chữa công qua đường GTND (thôn Tân tiến đoạn từ Miếu đến Đồng sor)	1820	1820		1820	1820		1570		1570				250	250	250							
6.8	GTND thôn Cao Mỗ đoạn từ Ủy ban xã cũ đến ngã ba (300m)	1050	1050		1050	1050								1050	1050	1050							
6.9	GTND thôn thôn Nam Lỗ đoạn từ Miếu Và đến thôn Tiến Thắng (1000m)	2980	2980		2980	2980								2980	2980	2980							
6.10	GTND thôn Nam Lỗ đoạn từ Miếu và đến thôn Tiến Thắng (1000m)	520	520		520	520		520		520									Trùng đoạn				
6.11	GTND thôn Nam Lỗ đoạn từ Trạm bơm Nam Lỗ đến Gò Cốt (400m)	1400	1400		1400	1400								1400	1400	1400							
6.12	GTND Cao Mỗ Đồng đoạn từ nhà ông Cách đến giáp Hợp Tiến (700m)	2450	2450		2450	2450		2450		2450									Đã có đường GTND từ biển thể và ĐA Đường ven sông thống nhất				

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026			Bổ sung và điều chỉnh						Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú	
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026				Tổng số		Trong đó				
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác		Điều chỉnh giảm		Bổ sung tăng				Từ nguồn SD đất	Nguồn khác			
									Từ nguồn SD đất	Nguồn khác	Từ nguồn SD đất	Nguồn khác							
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	
6.13	Sửa chữa đường GTND thôn Số (300m)	700	700		700	700		700							300	300	300		Không có tính chất liên kết vùng
6.14	Xây lẻ đường GTND thôn Khuốc Đông đoạn từ Trạm biến thế số 4 đến cống ông Thiều 350m và tuyến đường cánh đồng mẫu lớn 100m	3080	3080		3080	3080		2780							300	300	300		
6.15	Cải tạo nâng cấp đường trục xã từ QL 39 đến UBND xã Phong Châu cũ	2500	2500		2500	2500		3500	3000			3000			5500	5500	5500		mở rộng mặt đường và bổ sung rãnh thoát nước
6.16	Cải tạo nâng cấp đường trục thôn Tăng, Phạm, Cốc đoạn từ QL 39 đến ĐH 50	3500	3500		3500	3500		3500											Trùng quy hoạch đường thái hà - QL 10
6.17	Xây dựng đường từ thôn Khuốc Tây đến đường ĐH 58A thôn Tân Bình xã Phong Dương Tiến (nay là xã Đông Tiến Hưng)	19990	5550	14440	5550	5550								19990	5550	5550	5550		
6.18	Đường GT cánh đồng SXHH tập trung từ ông Cảnh đến đường trục thôn Khuốc Bắc	5200	5200									5200			5200	5200	5200		
6.19	Đường GTND từ ao ông Cảnh đến gò tướng Quân thôn Cốc (300m)	1100	1100											1100	1100	1100	1100		
6.20	Lê đường GTND và Kênh mương cấp 1 đoạn từ cửa nhà ông Thần đến đường GTND Đồng gò cánh cuối (thôn Tân Tiến)	1750												1750	1750	1750	1750		

TT	Danh mục công trình, dự án	Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh			Dự kiến KH vốn năm 2026				Bổ sung và điều chỉnh								Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh				Kế hoạch vốn đầu tư công năm 2026 sau điều chỉnh			Ghi chú
		Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó:		Tổng số	Trong đó		Tổng mức đầu tư	Kế hoạch vốn năm 2026			Tổng mức đầu tư sau điều chỉnh	Tổng số	Trong đó										
			Ngân sách xã	Nguồn khác		Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác		Điều chỉnh giảm	Bổ sung tăng	Điều chỉnh giảm			Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác	Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác	Từ nguồn thu tiền SD đất	Nguồn khác					
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19						
6.21	GTND từ đổi diện nhà và Minh đến đường bê tông thôn Ai Quốc	450										450		450	450	450								
6.22	Đường GT trục thôn từ trạm bơm Tân Bình đến DH58A thôn Tân Bình	1300										1300		1300	1300	1300								
V	Dự phòng Cho GPMB Trám y tế và các dự án khác											7877		7877	7877	7877								